TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **82**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11/11/2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Thu Hiền**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: **Bà Lê Thị Hoa**
Bà Trần Thị Hiến

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Phương –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* **Ông Trương Ngọc Bình –** Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 305/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Đỗ Như Tuấn A**, sinh năm 1973
Địa chỉ: Tổ 11 TN, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. *Bị đơn:* **Ông Phạm Võ B**, sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Hiện chấp hành án tại Trại Giam Xuân Phước (Địa chỉ: xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên).
Ông B có ý kiến trình bày đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2019, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Như Tuấn A trình bày:*

Bà và ông Phạm Võ B kết hôn năm 1994, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N (nay là phường N), thị xã N. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn P, xã N và có 02 con chung tên Phạm Thị Hoài V, sinh ngày 22/01/1995, Phạm Đỗ Sỹ V, sinh ngày 15/9/2000. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Bà đã cố gắng hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không hàn gắn được và ngày càng trầm trọng hơn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế bà và ông B không còn sống chung từ khoảng

năm 2010 cho đến nay nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Võ B. Về con chung, bà A khai các con chung Phạm Thị Hoài V, Phạm Đỗ Sỹ V đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung bà A khai bà và ông B không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Phạm Võ B: Tại bản tự khai ngày 04/10/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019, ông Phạm Võ B trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung ông thống nhất như lời khai của bà Đỗ Như Tuấn A. Nay bà A yêu cầu ly hôn ông đồng ý. Về con chung, ông B trình bày hiện các con chung Phạm Thị Hoài V, Phạm Đỗ Sỹ V đã trưởng thành ông không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, ông B khai giữa ông và bà Đỗ Như Tuấn A không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về việc giải quyết vụ án ly hôn giữa bà Đỗ Như Tuấn A và ông, ông Phạm Võ B đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã thực hiện việc thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về con chung, các con chung của bà Đỗ Như Tuấn A và ông Phạm Võ B đã trưởng thành và không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Võ B có ý kiến trình bày đề nghị tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông, do đó Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa căn cứ qui định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Đỗ Như Tuấn A và ông Phạm Võ B tự nguyện kết hôn năm 1994, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N (nay là phường N), thị xã N

và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 21/4/1994. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, do tính tình không hợp nhau nên giữa bà A và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến tranh cãi. Mặc dù bà A đã cố gắng hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ chăm lo cho con cái, xây dựng gia đình nhưng vẫn không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng làm rạn nứt tình cảm, việc quan tâm, chăm sóc lẫn nhau không còn và đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, thực tế hai ông bà cũng không còn sống chung từ khoảng năm 2010 cho đến nay. Vì vậy, có duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Như Tuấn A đối với ông Phạm Võ B.

[3] *Về con chung*: Bà Đỗ Như Tuấn A và ông Phạm Võ B có 02 con chung tên Phạm Thị Hoài V, sinh ngày 22/01/1995, Phạm Đỗ Sỹ V, sinh ngày 15/9/2000, các con chung đã trưởng thành bà A, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Đỗ Như Tuấn A, ông Phạm Võ B khai không có không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] *Về nợ chung*: Bà Đỗ Như Tuấn A, ông Phạm Võ B khai không có không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[6] *Về án phí*: Bà Đỗ Như Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đỗ Như Tuấn A được ly hôn với ông Phạm Võ B.

2. Về con chung: Các con chung của bà Đỗ Như Tuấn A và ông Phạm Võ B đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Đỗ Như Tuấn A, ông Phạm Võ B khai không có không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

4. Về nợ chung: Bà Đỗ Như Tuấn A, ông Phạm Võ B khai không có không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

5. Về án phí: Bà Đỗ Như Tuấn A phải nộp 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tại biên lai số AA/2018/0008710 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Như vậy bà Đỗ Như Tuấn A đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Bà Đỗ Như Tuấn A có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Phạm Võ B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Hiệp (Giấy CNKH số 25, ngày 21/4/1994);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền